

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/DS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Đoàn Thị Bầy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị D. Sinh năm: 1956.

Địa chỉ cư trú: Số C, đường L, khóm F, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/12/2024, xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau

-**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Bà Tạ Thị Kim O, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số G, Q, khóm B, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Vũ P trình bày:

Bà Trần Thị D và bà Tạ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn N là chỗ quen biết nên vào ngày 26/4/2011, bà D cho ông N và bà O vay số tiền 400.000.000 đồng, để đáo hạn nợ tại quỹ tín dụng nhân dân phường B, thành phố C, bà O nói vay 01 ngày đáo hạn xong sẽ trả lại. Sau khi bà O ký đáo hạn xong thì bà O báo với bà Danh số tiền này bà O để trong cốp xe nhưng bị đánh cắp nên bà O không trả cho bà D.

Từ khi vay đến ngày 28/3/2013 bà O ông N trả được 170.000.000 đồng. Từ ngày 28/3/2023 đến nay không trả vốn, lãi nên đến ngày 28/03/2013 bà D và bà O, ông N làm biên nhận nợ số tiền 230.000.000d (hai trăm ba mươi triệu đồng), hứa trả hết vào năm 2014, lãi suất là 2%/tháng. Khoảng tháng 5/2013 thì bà O, ông N bỏ địa phương đi nên bà D không liên lạc được. Đến tháng 02/2025 bà O về nên bà D liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng đến nay không trả. Vào tháng 9 năm 2023 bà D đến lại nhà cũ của bà O và ông N thì gặp được bà O và ông N, bà O và ông N thỏa thuận với bà D là đến hết tháng 9 năm 2024 bà O và ông N sẽ bán nhà và đất để trả đủ số tiền vốn gốc và lãi cho bà D (việc thỏa thuận bằng miệng, không có lập giấy tờ ký cam kết giữa các bên, bà D đã yêu cầu bà O và ông N ký cam kết nhưng bà O và ông N không chịu ký cam kết). Khi đến hạn cam kết bà D yêu cầu bà O và ông N trả nợ thì bà O và ông N đưa ra nhiều lý do để cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho bà D.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Kim O và ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà Danh số tiền vốn gốc là 230.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 28/03/2013 đến ngày **29/4/2025 là 145 tháng 01 ngày, áp dụng mức lãi suất 1,66%/ tháng với số tiền lãi là 553.737.000 đồng.** Tổng số tiền vốn gốc và lãi bà D yêu cầu bà Tạ Thị Kim O và ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà D là **783.737.000 đồng.**

Đối với bà O và ông N mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, triệu tập các đương sự đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia các phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, ông N bà O vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản ý kiến về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đang cư trú tại thành phố C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định vào ngày 28/3/2013 bà D có cho ông N vay số tiền 230.00.000 đồng, có viết biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận và bị đơn hứa đến cuối năm 2014 thì trả dứt nợ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện bị đơn bỏ địa phương đi không thanh toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 1.66%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền **553.737.000 đồng.** **Tổng cộng vốn và lãi là 583.737.000 đồng là có căn cứ.**

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi Tòa án về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tiến hành xét xử vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn **tổng cộng vốn và lãi là 583.737.000 đồng**.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền chưa trả. Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên đã được miễn dự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Danh Buộc bị đơn bà Tạ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn N thanh toán cho bà Trần Thị Danh S tiền vay tổng cộng vốn và lãi là **583.737.000 đồng** (Năm trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tạ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Tạ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn N phải nộp số tiền 27.350.000 (Hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

Bà Trần Thị D không phải nộp án phí, đã được miễn nộp theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út

